

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN VŨNG LIÊM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 05/2025/HS-ST

Ngày: 15 - 01 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị L.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn H.**

2. Bà **Đặng Thị Lệ .**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn T** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc L1** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Ngô Thanh P** - sinh ngày: 01/01/1987 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962; Vợ: Hoàng Thị Thanh T1, sinh năm 1989 (không có đăng ký kết hôn, đã chia tay năm 2009); Con: Ngô Hoàng Mỹ N, sinh năm: 2006; Vợ: Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm: 1990; A, chị em ruột: 05 người (lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất 1993). Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 01/12/2023 Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (thời gian 01 năm).

Nhân thân: Ngày 18/01/2010 Ngô Thanh P bị Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tuyên phạt 09 (chín) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 02/2010/HSST. Ngô Thanh P đã chấp hành xong bản án hình sự và án phí dân sự.

Ngày 09/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị cáo Ngô Thanh P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ngày 20/12/2024 bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị Hồng K** - sinh ngày 10/10/1990 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi thường trú: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1960 (chết) và bà Võ Thị Thanh K1, sinh năm 1965; Chồng: Trần Thanh H2, sinh năm 1987 (đã ly hôn); Con: Trần Thiên B, sinh năm 2012 và Trần Ngọc Trâm A, sinh năm 2013; Chồng: Ngô Thanh P, sinh năm 1987; Anh, chị em ruột: Bị cáo là con một; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 01/12/2023 Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (thời gian 01 năm).

Ngày 09/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Ngày 20/12/2024 bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

1. Anh **Trần Tấn T2** – sinh năm: 1992 (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

2. Chị **Võ Thị Kim T3** – sinh năm: 1984 (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh **Trịnh Ngọc T4** - sinh năm: 1970 (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

* Người làm chứng: Anh **Nguyễn Thành N1** - sinh năm: 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Thanh P là đối tượng đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng do Công an xã T quản lý. Giữa P và Trần Tấn T2, sinh năm 1992, nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, có mối quan hệ anh em bà con cô cậu ruột với nhau.

Vào khoảng 09 giờ ngày 20/4/2024, P đến nhà anh Trần Tấn T2 mượn tiền để chi tiêu trong gia đình. Khi đến nhà gặp chị Võ Thị Kim T3 là vợ của anh Trần Tấn T2, P hỏi mượn tiền nhưng không có nên P ở lại nhà của anh T2 chơi và nói chuyện với chị T3. Trong lúc nói chuyện qua lại với nhau, chị T3 hỏi xe P đâu mà không chạy? P nói dối là xe bị Công an xã T tạm giữ do P điều khiển xe không đội mũ bảo hiểm. Chị T3 kêu P ở lại chơi, đợi anh Trần Tấn T2 đi làm về rồi đưa về nhà. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, anh Trần Tấn T2 đi làm về, P nhờ đưa về nhà dùm. Anh Trần Tấn T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đỏ - đen - bạc, biển số 64D1-482.47 chở P về nhà (trong cốc

yên xe có sẵn 01 giấy đăng ký xe, 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Võ Thị Kim T3). Trên đường, P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh Trần Tấn T2 để cầm cố lấy tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. P nói dối là xe bị Công an xã T tạm giữ, P về nhà lấy giấy tờ đem đến đóng phạt rồi nhận xe về. Khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, anh Trần Tấn T2 chở P lưu thông trên đường nhựa liên ấp P - P thuộc xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Khi đến đoạn thuộc ấp P, xã T, gần Trường Tiểu học Đ, P kêu Trần Tấn T2 dừng xe lại, nói anh T2 vô quán ngồi uống nước cho P mượn xe chạy về nhà lấy giấy tờ rồi quay lại rước, anh Trần Tấn T2 tin là thật nên đưa xe cho P mượn. Sau đó, P điều khiển xe đi về nhà trọ P1 gặp vợ là Nguyễn Thị Hồng K, nói cho K biết việc chiếm đoạt xe của anh T2. Khi phát hiện có giấy tờ xe P bàn với K tìm chỗ cầm xe lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó K cùng P mang xe đến dịch vụ ký gửi cầm đồ, biển hiệu “Nhân”, địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, của anh Nguyễn Thành N1, sinh năm 1991, nơi cư trú: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi đến tiệm K mang khẩu trang che kín mặt, anh N1 hỏi nguồn gốc xe thì K tự nhận tên Võ Thị Kim T3 là chủ sở hữu xe, K và anh N1 thỏa thuận cầm chiếc xe biển số 64D1-482.47 với số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), K ký hợp đồng cầm xe và ghi tên trong hợp đồng là T3. Sau khi có tiền, P và K thuê nhà trọ trên địa bàn thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh ở và tiêu xài cá nhân đến hết tiền.

Đến ngày 24/4/2024, P và K liên hệ với anh Trịnh Ngọc T4, sinh năm 1970, nơi cư trú: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, là chủ cửa hàng mua bán xe gắn máy đã qua sử dụng và dịch vụ cầm đồ biển hiệu “Tâm Tài”, địa chỉ: khóm E, thị trấn C, huyện C, để thỏa thuận việc đến tiệm của anh N1 chuộc lại xe và mang xe đến tiệm “Tâm T5” cầm cố với giá cao hơn. Khi nói chuyện với anh Trịnh Ngọc T4 thì K cũng mang khẩu trang che kín mặt. Anh Trịnh Ngọc T4 hỏi nguồn gốc xe thì K tự nhận tên Võ Thị Kim T3 là chủ xe và anh Trịnh Ngọc T4 đồng ý cầm xe biển số 64D1-482.47 với số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Anh Trịnh Ngọc T4 trả tiền gốc và lãi cho anh Nguyễn Thành N1 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng), K lấy lại xe biển số 64D1-482.47 và đến tiệm anh T4 lập hợp đồng cầm xe. Anh Trịnh Ngọc T4 đưa cho K số tiền còn lại là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng), K và P tiêu xài hết.

Đến ngày 26/4/2024, P đến gặp anh Trịnh Ngọc T4 xin cầm thêm tiền chiếc xe, anh T4 không đồng ý và nói sẽ mua chiếc xe giá 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), P về bàn bạc với K đến liên hệ bán xe. Ngày 27/4/2024, K đến gặp anh T4 làm thủ tục bán chiếc xe biển số 64D1-482.47. Sau khi trừ chi phí gốc và lãi là 8.600.000 (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng), anh T4 đưa thêm cho K 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), K và P tiêu xài hết.

Riêng anh Trần Tấn T2 ngồi đợi nhưng không thấy P quay lại rước nên điện thoại cho P thì P nói dối là đi mua đồ chút quay lại rước. Anh T2 tiếp tục ngồi đợi nhưng vẫn không thấy P quay lại rước nên điện thoại cho chị T3 điều khiển xe lại rước. Sau đó anh T2 điều khiển xe chở chị T3 đến nhà trọ Phương N2 tìm P nhưng không gặp. Anh T2 điện thoại cho P thêm lần nữa, thì P nói dối là cho P mượn xe đi Tiền Giang lấy tiền trả nợ hôm sau sẽ trả xe lại. Anh T2 tin là thật nên về nhà.

Đến ngày 28/4/2024 P nhắn tin cho anh T2 biết đã bán xe của anh T2 cho người khác và cho địa chỉ chỗ bán xe. Anh T2 biết bị P chiếm đoạt tài sản nên đến Công an xã T, huyện V tố giác hành vi của P.

Sau khi tiếp nhận, Công an xã T xác minh, làm rõ, thu hồi xe mô tô cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 64D1-082.47 mang tên Võ Thị Kim T3. Vụ việc được chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 07/5/2024 của Hội đồng tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện V định giá chiếc xe nêu trên có giá trị thành tiền 8.900.000 đồng (Tám triệu chín trăm nghìn đồng).

Ngày 09/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Ngô Thanh P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ngày 28/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Hồng K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Việc tạm giữ vật chứng:

- 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 64D1-082.47 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 64D1-082.47 mang tên Võ Thị Kim T3, do anh Trịnh Ngọc T4 giao nộp cho Công an xã T vào ngày 29/4/2024.

Việc xử lý vật chứng:

- Đã trả cho anh Trần Tấn T2: Chiếc xe mô tô biển số 64D1-082.47 và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Võ Thị Kim T3, theo quyết định xử lý vật chứng số 449/QĐ-CSĐT-ĐTTH ngày 21/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Tấn T2 đã nhận lại xe mô tô, không yêu cầu bị cáo P bồi thường thiệt hại có liên quan. Anh T2 tự nguyện làm đơn xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

Đối với anh Trịnh Ngọc T4: Tự thỏa thuận giải quyết phân trách nhiệm dân sự với bị cáo Ngô Thanh P, không yêu cầu Cơ quan điều tra giải quyết.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Ngô Thanh P và Nguyễn Thị Hồng Khánh thành K2 khai báo; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo P.

Bản cáo trạng số: 64/CT-VKSHVL ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm truy tố đối với:

Bị cáo Ngô Thanh P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Hồng K về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:
Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bị cáo P đã thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối giả vờ đưa thông tin không đúng sự thật bằng cách nói bị hại cho mượn xe về lấy giấy tờ rồi lại rước làm cho bị hại tin tưởng là thật đã giao tài sản của bị hại cho bị cáo, hành vi của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật hình sự quy định và bảo vệ. Hành vi của bị cáo K biết rõ xe mô tô 64D1-082.47 là tài sản do bị cáo P lừa đảo chiếm đoạt của người khác mà có mà vẫn đồng ý đem đi cầm cố và sau đó lập hợp đồng bán xe để có tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng. Các bị cáo P, K đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Do đó hành vi trên của bị cáo P đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Bị cáo K đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và đề nghị mức hình phạt:

1/. Đối với bị cáo Ngô Thanh P áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Thanh P mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2/. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng K áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng K mức án từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Việc tạm giữ vật chứng:

- 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 64D1-082.47 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 64D1-082.47 mang tên Võ Thị Kim T3, do anh Trịnh Ngọc T4 giao nộp cho Công an xã T vào ngày 29/4/2024.

Việc xử lý vật chứng:

Đã trả cho anh Trần Tấn T2: Chiếc xe mô tô biển số 64D1-082.47 và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Võ Thị Kim T3, theo quyết định xử lý vật chứng

số 449/QĐ-CSĐT-ĐTTH ngày 21/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Tấn T2 đã nhận lại xe mô tô, không yêu cầu bị cáo P bồi thường thiệt hại có liên quan. Anh T2 tự nguyện làm đơn xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

Đối với anh Trịnh Ngọc T4: Tự thỏa thuận giải quyết phần trách nhiệm dân sự với bị cáo Ngô Thanh P, không yêu cầu Cơ quan điều tra giải quyết.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Ngô Thanh P và Nguyễn Thị Hồng Khánh thành K2 khai báo; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo P.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Ngô Thanh P, Nguyễn Thị Hồng K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của bị cáo Ngô Thanh P: Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Vũng Liêm.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Thị Hồng K: Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Vũng Liêm.

Bị cáo Ngô Thanh P nói lời sau cùng: Bị cáo không cố tình gây khó dễ cho hội đồng xét xử khi hỏi. Do bị cáo không hiểu luật. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về nhà phụ mẹ nuôi con.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng K nói lời sau cùng: Bị cáo thấy sai, ăn ăn hối hận. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐ đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Điều tra viên, Viện kiểm sát - Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Ngô Thanh P, bị cáo Nguyễn Thị Hồng K thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo đã khai nhận: Vào ngày 20/4/2024, tại khu vực ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo Ngô Thanh P đã dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt xe mô tô biển số 64D1-082.47 của anh Trần Tấn T2, có giá trị thành tiền là tiền 8.900.000 đồng (Tám triệu chín trăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Thị Hồng K biết rõ chiếc xe mô tô là tài sản do P lừa đảo mà có, nhưng vẫn đem đi cầm và bán chiếc xe để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

[3] Lời trình bày và khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Ngô Thanh P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Hồng K phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo P là dùng thủ đoạn gian dối giả vờ đưa thông tin không đúng sự thật bằng cách nói bị hại T2 cho mượn xe về lấy giấy tờ rồi lại rước làm cho bị hại T2 tin tưởng là thật đã giao tài sản của bị hại là xe mô tô biển số 64D1-082.47 cho bị cáo P, bị cáo P đã tìm cách chiếm đoạt xe của anh T2. Nhân thân bị cáo P đã có 01 tiền sự, ngày 01/12/2023, Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

Ngày 18/01/2010, Ngô Thanh P bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tuyên phạt 09 (chín) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong bản án hình sự và án phí dân sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo P đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo P có trình độ nhận thức về xã hội, có sức khỏe để lao động để nuôi sống bản thân và chăm lo cho gia đình. Nhưng với bản tính thích hưởng lợi từ sức lao động của người khác mà không cần phải làm việc. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp hậu quả. Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tuyên phạt 09 (chín) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội.

Hành vi của bị cáo K biết rõ xe mô tô 64D1-082.47 là tài sản do bị cáo P lừa đảo chiếm đoạt của người khác mà có mà vẫn đồng ý đem đi cầm cố và sau đó lập hợp đồng bán xe để có tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng. Nhân thân bị cáo K đã có 01 tiền sự, ngày 01/12/2023, Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Bị cáo Khánh lười lao động, biết xe mô tô 64D1-082.47 là tài sản do bị cáo P lừa đảo chiếm đoạt của người khác mà có mà vẫn đồng ý đem đi cầm cố và sau đó lập hợp đồng bán xe để có tiền tiêu xài, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo P, bị cáo K là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo P, bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ mục đích tiêu xài cá nhân.

Do đó cần xử phạt các bị cáo P, bị cáo K một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống

biết tôn trọng và chấp hành pháp luật, đồng thời răn đe, và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[6] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau: Các bị cáo P, K trong quá trình điều tra, các bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại anh T2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo P. Bị cáo K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đã trả cho anh Trần Tấn T2: Chiếc xe mô tô biển số 64D1-082.47 và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Võ Thị Kim T3, theo quyết định xử lý vật chứng số 449/QĐ-CSĐT-ĐTTH ngày 21/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Tấn T2 đã nhận lại xe mô tô, không yêu cầu bị cáo P bồi thường thiệt hại có liên quan. Anh T2 tự nguyện làm đơn xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trịnh Ngọc T4: Tự thỏa thuận giải quyết phần trách nhiệm dân sự với bị cáo Ngô Thanh P, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo P, K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Thanh P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Thanh P 01(Một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 20/12/2024.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng K phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng K 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 20/12/2024.

* Về xử lý vật chứng:

Đã trả cho anh Trần Tấn T2: Chiếc xe mô tô biển số 64D1-082.47 và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Võ Thị Kim T3, theo quyết định xử lý vật chứng số 449/QĐ-CSĐT-ĐTTH ngày 21/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V.

* Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Tấn T2 đã nhận lại xe mô tô, không yêu cầu bị cáo P bồi thường thiệt hại có liên quan. Anh T2 tự nguyện làm đơn xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trịnh Ngọc T4: Tự thỏa thuận giải quyết phân trách nhiệm dân sự với bị cáo Ngô Thanh P, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Ngô Thanh P, Nguyễn Thị Hồng K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lanh